

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TML24B3**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH01074**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục thể chất**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2455202050602	Nguyễn Nhật	Anh	15/10/2008				9	6.0	10.0			5.0		6.3
2	2455202050603	Phan Trường	Anh	13/10/2009				8	5.0	8.0			0.0	0.0	2.7
3	2455202050604	Phạm Lê	Bảo	08/11/2009				7	5.0	8.0			5.0		5.6
4	2455202050605	La Nguyên	Chương	17/10/2009				10	9.0	5.0			5.0		6.0
5	2455202050606	Thái Hoàng	Hải	24/11/2009				9	5.0	9.0			6.0		6.6
6	2455202050607	Phan Thanh	Hiệp	04/10/2009				7	7.0	5.0			5.0		5.5
7	2455202050610	Nguyễn Hoàng Nhứt	Huy	27/04/2009				9	7.0	10.0			8.0		8.2
8	2455202050611	Trần Nhĩ	Khang	05/02/2009				8	10.0	10.0			10.0		9.8
9	2455202050612	Phạm Anh	Khoa	14/06/2009				6	6.0	10.0			9.0		8.4
10	2455202050613	Ngô Thông	Khoán	01/10/2008				8	6.0	7.0			10.0		8.7
11	2455202050614	Quách Minh	Khôi	04/07/2009				7	8.0	7.0			10.0		9.0
12	2455202050615	Hồ Tuấn	Kiệt	30/07/2009				8	9.0	10.0			6.0		7.3
13	2455202050616	Trương Huỳnh Phú	Lộc	23/10/2009				0	0.0	0.0			CT		0.0
14	2455202050618	Nguyễn Lý Hiền	Lương	11/06/2008				10	8.0	7.0			6.0		6.8
15	2455202050620	Trần Công	Minh	02/07/2009				9	6.0	8.0			6.0		6.6
16	2455202050621	Trần Quốc	Minh	10/05/2009				0	0.0	0.0			CT		0.0
17	2455202050622	Đặng Khoa	Nam	09/06/2009				9	5.0	7.0			5.0		5.6
18	2455202050623	Lê Văn	Nghĩa	19/03/2009				6	7.0	7.0			5.0		5.7
19	2455202050624	Phạm Trần	Nghĩa	25/03/2009				8	7.0	8.0			5.0		6.0
20	2455202050625	Tào Hồng	Quý	02/02/2008				10	10.0	10.0			5.0		7.0
21	2455202050626	Bùi Thanh	Sang	09/05/2005				9	5.0	8.0			5.0		5.8
22	2455202050627	Lê Nguyễn Hoàng	Sĩ	02/06/2009				9	9.0	10.0			6.0		7.4
23	2455202050628	Lê Văn	Thắng	17/09/2009				9	7.0	8.0			7.0		7.3
24	2455202050629	Nguyễn Minh	Thắng	07/04/2009				9	8.0	7.0			7.0		7.3
25	2455202050630	Hàng Niệm	Thiên	14/05/2008				8	6.0	7.0			8.0		7.5
26	2455202050631	Thiều Quang	Thiện	09/07/2009				9	8.0	8.0			8.0		8.1
27	2455202050632	Lê Trường	Thịnh	15/10/2009				7	7.0	7.0			9.0		8.2
28	2455202050633	Thái Minh	Thông	19/04/2009				7	8.0	8.0			10.0		9.1
29	2455202050634	Nguyễn Minh	Tiến	05/08/2009				8	8.0	8.0			5.0		6.2
30	2455202050635	Nguyễn Mai Tiến	Toàn	07/06/2009				8	8.0	10.0			6.0		7.1
31	2455202050636	Đặng Hàng Minh	Triết	12/09/2008				9	7.0	8.0			5.0		6.1
32	2455202050637	Phạm Minh	Triết	05/06/2009				8	8.0	8.0			0.0	0.0	3.2
33	2455202050638	Nguyễn Hoàng	Việt	01/03/2009				8	10.0	10.0			0.0	0.0	3.8
34	2455202050639	Huỳnh Lê Tuấn	Vũ	27/08/2009				9	10.0	10.0			6.0		7.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 28 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm